

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan;

Bà Lê Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D - Sinh năm 1993.

ĐKKHKT: 14/1 Đặng Tiến Đ, phường Đông T, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ 408, chung cư A2, ngách 15/55 đường An Dương V, phường Phú T, quận Tây H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: 14/1 Đặng Tiến Đ, phường Đông T, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh P kết hôn với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông T, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh

phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh P còn ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ cuối năm 2017, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 12/3/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu L và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị vì hiện nay chị đang có công ăn việc làm và chỗ ở ổn định, thu nhập 13.000.000đ/tháng còn anh P chưa có công việc ổn định, cháu L đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh P đến Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phương không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình chung sống tại địa phương, chị D và anh P có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do anh P chơi bời, không tu chí làm ăn nên trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra va chạm. Cuối năm 2017, chị D không còn sinh sống tại địa phương. Nay chị D làm đơn ly hôn anh P, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào mức độ mâu thuẫn của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh P và chị D có một con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 12/3/2018. Về tài sản, công nợ của chị D và anh P, địa phương không biết nên không cung cấp được cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Bá H, bố đẻ của anh P, ông H trình bày: Anh P và chị D kết hôn với nhau năm 2016, sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình ông tại số nhà 14b/01 Đặng Tiến Đ, phường Đông T, thành phố Thanh H được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không tu chí làm ăn, chơi bời làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không tôn trọng nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh Phương vẫn không thay đổi. Từ cuối năm 2017, anh P và chị D đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị D làm đơn khởi kiện ly hôn anh P theo quan điểm của ông thì mâu thuẫn của anh P và chị D đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D và anh P được ly hôn nhau. Anh P

và chị D có một con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 12/3/2018. Kể từ khi anh P và chị D sống ly thân, cháu L ở cùng với chị D. Nếu anh P và chị D ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ của chị D, anh P: ông không được biết nên không cung cấp được cho Tòa án. Đối với thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa mà Tòa án tổng đạt cho anh P ông đã nhận thay và giao lại đầy đủ cho anh P tuy nhiên anh P vẫn không chấp hành và không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị; về tài sản công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D, giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh P.

[3] Về hôn nhân: Chị D và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp chứng tỏ anh cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như lời khai của ông Nguyễn Bá H (là bố đẻ của anh P) đều thể hiện trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị, thời gian vợ chồng anh chị sống ly thân đúng như chị D trình bày. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn, tại phiên tòa chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị được ly hôn anh P.

[4]. Về con chung: Chị D và anh P có một con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 12/3/2018. Kể từ khi chị D và anh P sống ly thân cho đến nay cháu L vẫn sống cùng với mẹ, chị D vẫn nuôi dạy cháu bảo đảm về mọi mặt. Hiện nay chị D có thu nhập và chỗ ở ổn định, còn anh P chưa có thu nhập ổn định. Mặt khác cháu L đang còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị D có cơ sở để chấp nhận

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Chị D và anh P có một con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 12/3/2018, ly hôn giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị D.

Anh P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị ®. nếp theo biên lai sè AA/2017/0000461 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành ,n đơn sù Thành phè Thanh Hóa (chị D đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Thọ;
- Đường sù;
- Lưu hồ sù.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Loan

Nguyễn Thị Loan

Trần Thị Thu Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 16 tháng 01 năm 2020;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan;
Bà Lê Thị Loan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 398/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn giữa:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

1. Về điều luật: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Dung được ly hôn anh Nguyễn Thanh Phương.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về con chung: Chị Dung và anh Phương có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Linh, sinh ngày 12/3/2018, ly hôn giao cháu Linh cho chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phương không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Dung.

Anh Phương có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về tài sản, công nợ: Chị Hương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Dung phải nộp 300.000đ , n phí dôn sù s- thêm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị ®· nộp theo biên lai sè AA/2017/0000461 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành , n dôn sù Thụnh phè Thanh Hóa (chị Dung đã nộp đủ án phí).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 16 tháng 01 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Loan

Trần Thị Thu Phương

Nguyễn Thị Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP Thanh Hóa, ngày 14 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Tôi là: Trần Thị Thu Phương; Chức vụ: Thẩm phán.

Được phân công giải quyết, xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Dung - Sinh năm 1993.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Phương - Sinh năm 1990.
Cùng địa chỉ: 14/1 Đặng Tiến Đông, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là chị Phạm Thị Dung trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh Phương kết hôn với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Phương còn ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ cuối năm 2017, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay, chị Dung xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phương.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo Linh, sinh ngày 12/3/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Linh và không yêu cầu anh Phương cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị vì hiện nay chị đang có công ăn việc làm và chỗ ở ổn định, thu nhập từ 7.000.000đ - 10.000.000đ/tháng còn anh Phương chưa có công việc ổn định, cháu Linh đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phương đến Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phương không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình chung sống tại địa phương, chị Dung và anh Phương có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do anh Phương chơi bời, không tu chí làm ăn nên trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra va chạm. Cuối năm 2017, chị Dung không còn sinh sống tại địa phương. Nay chị Dung làm đơn ly hôn anh Phương, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào mức độ mâu thuẫn của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Phương và chị Dung có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Linh, sinh ngày 12/3/2018. Về tài sản, công nợ của chị Dung và anh Phương, địa phương không biết nên không cung cấp được cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Bá Hạnh, bố đẻ của anh Phương, ông Hạnh trình bày: Anh Phương và chị Dung kết hôn với nhau năm 2016, sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình ông tại số nhà 14b/01 Đặng Tiến Đông, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Phương không tu chí làm ăn, chơi bời làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không tôn trọng nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh Phương vẫn không

thay đổi. Từ cuối năm 2017, anh Phương và chị Dung đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị Dung làm đơn khởi kiện ly hôn anh Phương theo quan điểm của ông thì mâu thuẫn của anh Phương và chị Dung đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Dung và anh Phương được ly hôn nhau. Anh Phương và chị Dung có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Linh, sinh ngày 12/3/2018. Kể từ khi anh Phương và chị Dung sống ly thân, cháu Linh ở cùng với chị Dung. Nếu anh Phương và chị Dung ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cháu Linh cho chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ của chị Dung, anh Phương: ông không được biết nên không cung cấp được cho Tòa án. Đối với thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa mà Tòa án tổng đạt cho anh Phương ông đã nhận thay và giao lại đầy đủ cho anh Phương tuy nhiên anh Phương vẫn không chấp hành và không đến Tòa án để làm việc.

Thẩm phán dự kiến đề xuất giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; ; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Dung được ly hôn anh Nguyễn Thanh Phương.

Về con chung: Chị Dung và anh Phương có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Linh, sinh ngày 12/3/2018, ly hôn giao cháu Linh cho chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phương không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Dung.

Anh Phương có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: chị Dung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Dung phải nộp 300.000đ , n phí dơn sù s- thêm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị ®· nếp theo bi^n lai sè AA/2017/0000461 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành , n dơn sù Thụnh phè Thanh Hũa (chị Dung đã nộp đủ án phí).

Ý kiến của lãnh đạo phụ trách:

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Phương

KẾ HOẠCH XÉT HỎI

1. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa

- Hôm nay, ngày tháng năm, Tòa án nhân dân TP Thanh Hóa mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án về tranh chấp ly hôn, thay mặt Hội đồng xét xử tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Đề nghị mọi người trong Hội trường xét xử ngồi xuống và yêu cầu Thư ký phiên tòa báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.

- Thay mặt HĐXX tôi kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và **kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác.**

- Nguyên đơn: khai rõ họ tên, sinh năm, trú tại
- Bị đơn: khai rõ họ tên, sinh năm, trú tại

Chú ý: *Khi có người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa mà không thuộc trường hợp TA phải hoãn phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không; nếu có người đề nghị thì HĐXX xem xét, quyết định và có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì phải nêu rõ lý do (Điều 241 BLTTDS).*

- Sau đây tôi thay mặt HĐXX, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự và của người tham gia tố tụng khác.

Theo quy định tại Điều 70 BLTTDS: Đương sự có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng. Khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền, nghĩa vụ sau đây:

- Tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa;
- Giữ nguyên, thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu theo quy định.
- Cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình;
- Đề nghị TA xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của vụ việc mà tự mình không thể thực hiện được; đề nghị TA yêu cầu đương sự khác xuất trình tài liệu, chứng cứ mà họ đang giữ; đề nghị TA ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; đề nghị TA triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, quyết định việc định giá tài sản.

- Được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do TA thu thập, trừ tài liệu, chứng cứ (trừ tài liệu, chứng cứ liên quan đến bí mật NN, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, kinh doanh, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 109 BLTTDS).

- Tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tham gia hòa giải do TA tiến hành.

- Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định (QĐ thay đổi người tiến hành TT, người giám định, người phiên dịch phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản- Khoản 2 Điều 235 BLTTDS. Trường hợp phải thay đổi thì HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa, theo Điều 84 BLTTDS).

- Tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của bộ luật này;

- Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc

- Đề nghị TA đưa người có QLNVLQ tham gia tố tụng.

- Đề nghị TA tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định (QĐ tạm đình chỉ phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản- Khoản 2 Điều 235 BLTTDS).

- Đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với TA những vấn đề cần hỏi người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng.

- Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.

- Được cấp trích lục bản án, bản án, quyết định của TA.

- Kháng cáo, khiếu nại bản án, QĐ của TA theo quy định.

- Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

- Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, QĐ của TA đã có hiệu lực PL.

- Sử dụng quyền của đương sự một cách thiện chí, không được lạm dụng để gây cản trở hoạt động tố tụng của TA, đương sự khác. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu hậu quả do Bộ luật này quy định.

- Ngoài ra, nguyên đơn còn có quyền, nghĩa vụ như sau: (Điều 71 BLTTDS):

- Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập.

- ***Bị đơn còn có quyền, nghĩa vụ sau: (Điều 72 BLTTDS):***

- Được TA thông báo về việc bị khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập.

- Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

- Đưa ra yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và yêu cầu độc lập này có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu độc lập thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này.

- Trường hợp yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác

Thay mặt HĐXX, tôi giới thiệu thành viên của HĐXX, KSV, Thư ký phiên tòa:

- Tôi là Trần Thị Thu Phương - thẩm phán TAND TP Thanh Hóa được phân công làm chủ tọa phiên tòa

- Bên tay phải tôi là ông (bà).....

- Bên tay trái tôi là ông (bà)..... là 2 HTND TP Thanh Hóa. Ba chúng tôi có quyền quyết định về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác có liên quan trong việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là bà Nguyễn Thị Lý, Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa (bà) Lê Thị Mai, thư ký Tòa án Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Để thực hiện một trong số các quyền của mình, nguyên đơn (bị đơn) có đề nghị thay đổi ai trong số thành viên những người tiến hành tố tụng tôi vừa giới thiệu không?

Kiểm sát viên có đề nghị thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng không?

- Hỏi nguyên đơn: có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

- Hỏi bị đơn: có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không?

II. Kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần tranh tụng tại phiên tòa:

- **Phần trình bày:** Đề nghị nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện.
 - Bị đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.
 - **Thứ tự hỏi:**
 - + Hỏi các đương sự có đặt câu hỏi với nhau không sau đó mới hỏi.
 - + Về phần xét hỏi các vị HTND có hỏi thêm gì không ? Đại diện VKS có hỏi thêm gì không ?
- Các đương sự có yêu cầu hỏi thêm gì không ?

III. Kết thúc phần thủ tục hỏi, chuyển sang phần thủ tục tranh luận tại phiên tòa:

- Yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trình bày quan điểm và hỏi các đương sự có tranh luận gì với nhau không .

Chú ý: Trường hợp vắng mặt 1 trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tranh luận.

- Đề nghị Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của TP, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

IV: Kết thúc phần tranh luận, chuyển sang phần nghị án. (Điều 264 BLTTDS).

V. Tuyên án.